TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 205/2022/HS-PT
Ngày: 10/6/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Trường
Các Thẩm phán: Ông Vũ Thanh Liêm
Ông Phạm Tồn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang, Thư ký viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Hiệp, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 583/2021/TLPT-HS ngày 28 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo Y Đ và các bị cáo khác bị xét xử về tội *"Giết người"* do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2021/HSST ngày 18/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Y Đ (tên gọi khác: Đ Bê), sinh năm 1998, tại Phú Yên; nơi cư trú: tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Chăm HRoi; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Tư L, sinh năm 1950 và bà Hờ T, sinh năm 1965; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt theo Q định truy nã vào ngày 17/01/2021 và bị tạm giữ, tạm giam từ đó cho đến nay; có mặt tại phiên toà.

2. Y T, sinh năm 1989, tại Phú Yên; nơi ĐKHKTT: tỉnh Phú Yên; nơi ở: tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Chăm HRoi; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Y Lánh, sinh năm 1961 và bà Hờ Lựu, sinh năm 1964; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 01/02/2018, bị Công an phường C, thành phố C xử phạt 200.000 đồng về hành vi gây mất trật tự ở khu dân cư, đã chấp hành xong ngay 05/02/2018; Bản án số 35/2013/HSST ngày 30/10/2013 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên xử phạt 01 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 2 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; chấp hành xong án phạt tù cho hưởng án treo

ngày 30/10/2015, đã nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 28/8/2014. Bị cáo bị bắt theo Q định truy nã vào ngày 17/01/2021 và bị tạm giữ, tạm giam từ đó cho đến nay; có mặt tại phiên toà.

3. TRẦN THANH T (tên gọi khác: T Canvin), sinh năm 1993, tại Khánh Hòa; nơi cư trú: phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T (đã mất) và bà Tô Thị N, sinh năm 1952; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên toà.

4. LÊ CÔNG M (tên gọi khác: N), sinh năm 2000, tại Khánh Hòa; nơi cư trú: thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên toà.

5. NGUYỄN KHÁNH D (tên gọi khác: U), sinh năm 1999, tại Khánh Hòa; nơi cư trú: thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (đã mất) và bà Lê Thị A, sinh năm 1969; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên toà.

6. NGUYỄN QUANG D H (tên gọi khác: C), sinh năm 1998, tại Khánh Hòa; nơi cư trú: thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Thợ sửa ôtô; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên toà.

7. NGUYỄN VĂN Đ, sinh năm 1997, tại Khánh Hòa; nơi cư trú: phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L sinh năm 1971 và bà Trần Thị Phước M, sinh năm 1973; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 12/2020/HSST ngày 22/4/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 03 năm tù về tội "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi" theo điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự năm 2015, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 30/3/2020. Bị cáo hiện đang thi hành án tại Trại giam A2; có mặt tại phiên toà.

8. TRẦN CU B, sinh năm 1997, tại Khánh Hòa; nơi cư trú: thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Thợ sửa ôtô; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần C, sinh năm 1971

và bà Đặng Thị P, sinh năm 1968; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên toà.

9. TRẦN HUYNH Đ, sinh năm 1997, tại Khánh Hòa; nơi cư trú: phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Huynh T, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1969; vợ Nguyễn Thị M D, sinh năm 2000; có 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 29/02/2016, bị Công an thành phố C xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong ngày 03/3/2016. Bản án số 64/2016/HSST ngày 30/8/2016 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 6 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ngày 02/01/2016, tài sản trộm cắp có giá trị dưới 2.000.000 đồng; chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/12/2016, nộp án phí HSST ngày 08/12/2016. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên toà.

10. LÊ DIÊN THÁI H, sinh năm 1997, tại Khánh Hòa; nơi cư trú: thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Diên P, sinh năm 1962 và bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1968; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên toà.

- *Người bào chữa theo yêu cầu của Tòa án cho các bị cáo Y Đ, Y T, Trần Thanh T, Lê Công M, Nguyễn Khánh D, Nguyễn Quang D H, Nguyễn Văn Đ, Trần Cu B, Trần Huynh Đ, Lê Diên Thái H:* Luật sư Hồ Ngọc N - Văn phòng luật sư H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa; có mặt tại phiên toà.

- *Người bào chữa theo yêu cầu của các bị cáo Y T, Lê Công M:* Luật sư Nguyễn Hữu T - Văn phòng luật sư Nguyễn Đình T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa; có mặt tại phiên toà.

- *Bị hại:* Ông Cao Minh T1, sinh năm 1988; trú tại: thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ 00 ngày 02/8/2019, Y Đ điều khiển xe máy chở Trần Thị Ngọc H về nhà trọ. Khi đi đến trước quán Karaoke G thuộc tổ dân phố H Do 2, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa thì gặp Cao Minh T. Do Đ nẹt pô xe và nói chuyện to tiếng nên giữa Đ và T sinh mâu thuẫn, T dùng tay đánh vào mặt Đ 01 cái. Đ bỏ đi và gọi điện thoại cho Y T, Lê Diên Thái H nói bị T đánh và nhờ kêu thêm người để đánh lại T. Sau đó, T rủ thêm Nguyễn Khánh D, Trần Thanh T, Phạm Văn Q cầm theo 02 cây rựa, 04 ống tuýp sắt và 01 khẩu súng dài đi đến chỗ Đ.

Khi Đ, T, D, T, Q đến quán Karaoke G tìm T thì T đã về. Nhóm Đ thấy Nguyễn Hữu B đang mở cửa quán Karaoke G, nghĩ B có quan hệ với T nên đến hỏi: "T đâu?", B nói: "Không biết", thì Đ dùng rựa hất rơi mũ của B đang đội trên đầu, nhóm Đ xông vào dùng tay chân đánh vào người B. Khi nhóm Đ đang đánh B thì Nguyễn Văn Đ, Trần Cu B, Nguyễn Quang D H, Trần Huỳnh Đ và H điều khiển 03 xe máy cầm theo 01 gây ba trắc chạy đến; Lê Công M cũng đến tham gia đánh B. Khi B nói không biết T ở đâu thì nhóm Đ không đánh B nữa mà bàn nhau tiếp tục đi tìm đánh T, trên đường đi Q không tham gia và bỏ về trước. B được đưa đi cấp cứu tại Đội điều trị 486 Vùng 4 Hải Quân.

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 03/8/2019, cả nhóm đến quán Karaoke Bin Bin thuộc tổ dân phố H Thuận, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa thì Đ, Đ, M đi vào quán tìm không thấy T nhưng thấy Cao Minh T1 (anh ruột của T) nên đã gọi cả nhóm cầm hung khí vào đánh T1. H đứng ngoài cổng trông xe, T cầm súng, Đ cầm gậy ba khúc, T cầm ống tuýp sắt vuông, B cầm ống sắt của cây dù, M và H cầm rựa, D cầm 02 ống tuýp sắt cùng Đ và Đ tay không chạy vào quán. Khi gặp T1, Đ xông tới dùng tay đấm vào mặt T1, M cầm rựa chém một nhát vào vùng đỉnh đầu của T1, T và D mở cửa các phòng karaoke để tìm nhóm bạn của T1. Sau đó, cả nhóm dồn T1 vào phòng số 5, Đ xông vào dùng tay đấm vào mặt T1 rồi gạt chân làm T1 ngã xuống nền nhà, B cầm ống sắt đánh từ trên xuống vào vùng đầu của T1 02 cái, T1 đưa tay lên đỡ thì bị T ngồi đè lên ngực rồi dùng tay đấm vào mặt 03 cái. Đ cầm ống tuýp đánh 03 cái vào cẳng chân phải của T1. Sau đó, cả nhóm bỏ đi, T1 được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa khu vực C, đến 19 giờ 30 phút cùng ngày thì xuất viện.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 269/TgT ngày 25/9/2019 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Khánh Hòa kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Cao Minh T1 là 19%.

Vật chứng: Không.

Phần dân sự: Các bị cáo đã bồi thường cho người bị hại Cao Minh T1 20.000.000 đồng và T1 không yêu cầu bồi thường thêm.

***Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2021/HSST ngày 18/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định*:**

Tuyên bố các bị cáo Y Đ, Y T, Lê Công M, Trần Cu B, Nguyễn Văn Đ, Trần Thanh T, Nguyễn Khánh D, Nguyễn Quang D H, Trần Huynh Đ, Lê Diên Thái H phạm tội: "Giết người" (chưa đạt).

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15, Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Y Đ, Y T, Lê Công M;

Xử phạt bị cáo **Y Đ** 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giữ, tạm giam 17/01/2021.

Xử phạt bị cáo **Y T** 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính 0 từ ngày bắt, tạm giữ, tạm giam 17/01/2021.

Xử phạt bị cáo **LÊ CÔNG M** 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 15, Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Trần Cu B, Trần Thanh T, Trần Huynh Đ, Nguyễn Khánh D, Nguyễn Quang D H;

Xử phạt bị cáo **TRẦN CU B** 07 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử phạt bị cáo **TRẦN THANH T** 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử phạt bị cáo **TRẦN HUYNH Đ** 06 (sáu) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử phạt bị cáo **NGUYỄN KHÁNH D** 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử phạt bị cáo **NGUYỄN QUANG D H** 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 15, Điều 57; Điều 55; khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ;

Xử phạt bị cáo **NGUYỄN VĂN Đ** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Tổng hợp với hình phạt 03 năm tù mà bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chấp hành tại bản án số 12/2020/HSST ngày 22/4/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 10 (mười) năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 30/3/2020.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 15, Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Diên Thái H;

Xử phạt bị cáo **LÊ DIÊN THÁI H** 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần trách nhiệm dân sự; phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 18/11/2021, bị cáo Lê Công M kháng cáo xin xem xét lại tội danh và xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 26/11/2021, các bị cáo Y Đ kháng cáo không đồng ý về tội danh "Giết người", vì bị cáo chỉ có dùng tay và túyp sắt đánh vào chân của bị hại; bị cáo Y T kháng cáo kêu oan, vì cho rằng mình chỉ đi theo, không đánh ai và cũng không thấy bị cáo Lê Công M chém.

- Từ ngày 22/11 đến ngày 30/11/2021, các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Trần Thanh T, Trần Huynh Đ, Trần Cu B, Nguyễn Quang Huy H, Lê Diên Thái H, Lê Công M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Từ ngày 22/11 đến ngày 29/11/2021, người bị hại Cao Minh T1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Trần Huỳnh Đ, Trần Cu B, Y Đ, Nguyễn Khánh D, Trần Thanh T, Nguyễn Quang Huy H và Lê Công M.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lê Công M rút lại kháng cáo xin xem xét lại tội danh giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Y Đ rút lại kháng cáo không đồng ý về tội danh "Giết người" thay đổi bằng kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Y T rút lại kháng cáo kêu oan thay đổi bằng kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Trần Thanh T, Trần Huynh Đ, Trần Cu B, Nguyễn Quang Huy H, Lê Diên Thái H, Lê Công M vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Người bị hại Cao Minh T1 giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Trần Huỳnh Đ, Trần Cu B, Y Đ, Nguyễn Khánh D, Trần Thanh T, Nguyễn Quang Huy H và Lê Công M; đồng thời nộp đơn và trình bày xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Y T và Lê Công M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nêu quan điểm: Về tố tụng, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo là đúng người, đúng tội. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở xem xét chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Luật sư Hồ Ngọc Nhớ phát biểu: Xét tính chất mức độ và hậu quả xảy ra không lớn, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo quá nặng. Người bị hại kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; hiện tại người bị hại sức khỏe bình thường. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Luật sư Nguyễn Hữu T bào chữa cho bị cáo M và bị cáo T phát biểu: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo có cung cấp được một số tình tiết giảm nhẹ mới; người bị hại có mặt và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo M và bị cáo T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Xét nguyên nhân, hành vi, hậu quả, mức hình phạt của bị cáo; Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 03/8/2019, xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ nhặt phát sinh trước đó giữa Y Đ và em trai của Cao Minh T1; mặc dù giữa các bị cáo và bị hại Cao Minh T1 không quen biết, không có mâu thuẫn gì

nhưng khi cả nhóm đến quán Karaoke B thuộc tổ dân phố H, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa, thì Đ, Đ, M đi vào quán tìm không thấy T nhưng thấy Cao Minh T1 (anh ruột của T) nên đã gọi cả nhóm cầm hung khí vào đánh T1. H đứng ngoài cổng trông xe, T cầm súng, Đ cầm gậy ba khúc, T cầm ống tuýp sắt vuông, B cầm ống sắt của cây dù, M và H cầm rựa, D cầm 02 ống tuýp sắt cùng Đ và Đ tay không chạy vào quán. Khi gặp T1, Đ xông tới dùng tay đấm vào mặt T1, M cầm rựa chém một nhát vào vùng đỉnh đầu của T1, T và D mở cửa các phòng karaoke để tìm nhóm bạn của T1. Sau đó, cả nhóm dồn T1 vào phòng số 5, Đ xông vào dùng tay đấm vào mặt T1 rồi gạt chân làm T1 ngã xuống nền nhà, B cầm ống sắt đánh từ trên xuống vào vùng đầu của T1 02 cái, T1 đưa tay lên đỡ thì bị T ngồi đè lên ngực rồi dùng tay đấm vào mặt 03 cái. Đ cầm ống tuýp đánh 03 cái vào cẳng chân phải của T1. Sau đó, cả nhóm bỏ đi, T1 được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa khu vực C với tỷ lệ thương tích là 19%.

[2] Xét tính chất mức độ của tội phạm của các bị cáo, thì thấy: Hành vi của bị cáo Lê Công M cầm rựa đưa lên cao quá đầu của bị hại Cao Minh T1 đánh theo hướng từ trên xuống dưới, phần sắc của lưỡi rựa đánh trúng vào vùng đỉnh đầu của bị hại một cái; Trần Cu B dùng cầm ống sắt đánh từ trên xuống vào vùng đầu của T1 2 cái. Như vậy các bị cáo Lê Công M, Trần Cu B đã có hành vi dùng hung khí nguy hiểm (rựa, ống sắt) tấn công vào vùng đầu của anh T1, là vùng trọng yếu của cơ thể con người có khả năng dẫn đến nguy hiểm về tính mạng anh T1, nên hành vi của các bị cáo Lê Công M, Trần Cu B đã phạm tội "Giết người"; các bị cáo Y T cầm súng, Nguyễn Văn Đ cầm gậy ba khúc, Trần Thanh T cầm ống sắt vuông, Nguyễn Quang D H cầm rựa, Nguyễn Khánh D cầm 02 ống tuýp sắt cùng Y Đ và Trần Huynh Đ tay không cùng chạy vào quán, cả nhóm xông vào đánh anh T1; còn Lê Duyên Thái H đứng ngoài cổng trông xe. Trong các bị cáo này, có bị cáo cùng tham gia với bị cáo Lê Công M, Trần Cu B đánh anh T1, có bị cáo không đánh; tuy nhiên khi được Y Đ điện thoại rủ đi đánh nhau các bị cáo đã đồng ý và chuẩn bị hung khí để cùng đi đánh. Do đó, án sơ thẩm xác định hành vi phạm tội của các bị cáo các bị cáo Y T, Y Đ, Nguyễn Văn Đ, Lê Khánh D, Trần Thanh T, Nguyễn Quang D H, Trần Huynh Đ, Lê Diên Thái H đều về tội *"Giết người"* theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015 với tình tiết định khung *"có tính chất côn đồ"* là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Y Đ, Trần Cu B, Nguyễn Văn Đ, Trần Thanh T, Nguyễn Quang D H, Trần Huynh Đ, Lê Diên Thái H và kháng cáo của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Trần Huỳnh Đ, Trần Cu B, Y Đ, Nguyễn Khánh D, Trần Thanh T, Nguyễn Quang Huy H và Lê Công M, nhận thấy: Các bị cáo bị xét xử về tội "Giết người" theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự 2015, có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Án sơ thẩm đã xem xét phân hóa vai trò từng bị cáo trong vụ án; về nhân thân của từng bị cáo; xem xét các

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, như: Sau khi phạm tội đã ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường đủ thiệt hại cho người bị hại, được người bị hại bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt. Đ thời cũng đã áp dụng những quy định đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, để xử phạt bị cáo Y Đ 09 (chín) năm tù, Trần Cu B 07 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù, Trần Thanh T 07 (bảy) năm tù, Trần Huynh Đ 06 (sáu) năm 6 (sáu) tháng tù, Nguyễn Khánh D 06 (sáu) năm tù, Nguyễn Quang D H 06 (sáu) năm tù, Nguyễn văn Đ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù và Lê Diên Thái H 05 (năm) năm tù, là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, không nặng; đảm bảo đủ tác dụng giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa tội phạm, nhất là trong giai đoạn hiện nay tình hình tội phạm về các tội "Cố ý gây thương tích", "Giết người" có chiều hướng gia tăng, nhất là trong lứa tuổi thanh thiếu niên. Các bị cáo và người bị hại kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự gì mới, nên bác kháng cáo; giữ nguyên phần hình phạt tại bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Y Đ, Trần Cu B, Nguyễn Văn Đ, Trần Thanh T, Nguyễn Khánh D, Nguyễn Quang D H, Trần Huynh Đ, Lê Diên Thái H.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Y T, Lê Công M: Tại phiên tòa hôm nay người bị hại là anh Cao Minh T1 trình bày là sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo đã tác động gia đình đến xin lỗi và bồi thường thêm cho anh, các bị cáo đã tỏ ra thực sự ăn năn hối cải, nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo tấn và bị cáo M. Hội đồng xét xử thấy rằng đây là những tình tiết gảm nhẹ mới cho 02 bị cáo; tuy nhiên bị cáo M là người trực tiếp dùng rựa chém trên đỉnh đầu anh T1, hành vi của bị cáo M rất nguy hiểm cho tính mạng người khác, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo M 09 năm tù bằng với mức án của bị cáo Y Đ là đã xem xét chiếu cố, nên không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo M. Riêng bị cáo Y T không có hành vi đánh đấm anh T1, nhưng xử phạt 09 năm bằng với bị cáo M là có phần nghiêm khắc; nay có tình tiết giảm nhẹ mới nên giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt là có cơ sở.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Y Đ, Nguyễn Văn Đ, Trần Huỳnh Đ, Trần Cu B, Trần Thanh T, Nguyễn Quang Huy H, Lê Duyên Thái H và Lê Công M phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Y Đ, Lê Công M, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Khánh D, Trần Huỳnh Đ, Trần Cu B, Trần Thanh T, Nguyễn Quang Huy H, Lê Công M và kháng cáo của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Trần Huỳnh Đ, Trần Cu B, Y

Đ, Nguyễn Khánh D, Trần Thanh T, Nguyễn Quang Huy H và Lê Công M; giữ nguyên phần hình phạt đối với các bị cáo trên tại Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2021/HSST ngày 18/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

2. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Y T; sửa phần hình phạt đối với bị cáo Y T tại Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2021/HSST ngày 18/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Tuyên bố các bị cáo Y Đ, Y T, Lê Công M, Trần Cu B, Nguyễn Văn Đ, Trần Thanh T, Nguyễn Khánh D, Nguyễn Quang D H, Trần Huynh Đ, Lê Diên Thái H phạm tội: "Giết người" (chưa đạt).

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15, Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Y Đ, Y T, Lê Công M;

Xử phạt bị cáo **Y Đ** 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày băt, tạm giữ, tạm giam 17/01/2021.

Xử phạt bị cáo **Y T** 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính 0 từ ngày bắt, tạm giữ, tạm giam 17/01/2021.

Xử phạt bị cáo **LÊ CÔNG M** 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 15, Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Trần Cu B, Trần Thanh T, Trần Huynh Đ, Nguyễn Khánh D, Nguyễn Quang D H;

Xử phạt bị cáo **TRẦN CU B** 07 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử phạt bị cáo **TRẦN THANH T** 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử phạt bị cáo **TRẦN HUYNH Đ** 06 (sáu) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử phạt bị cáo **NGUYỄN KHÁNH D** 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử phạt bị cáo **NGUYỄN QUANG D H** 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 15, Điều 57; khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ;

Xử phạt bị cáo **NGUYỄN VĂN Đ** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Tổng hợp với hình phạt 03 năm tù mà bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chấp hành tại bản án số 12/2020/HSST ngày 22/4/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa, buộc bị cáo

phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 10 (mười) năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 30/3/2020.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 15, Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Diên Thái H;

Xử phạt bị cáo **LÊ DIÊN THÁI H** 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Các bị cáo Y Đ, Nguyễn Văn Đ, Trần Huỳnh Đ, Trần Cu B, Trần Thanh T, Nguyễn Khánh D, Nguyễn Quang Huy H, Lê Duyên Thái H và Lê Công M, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật và được thi hành theo Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2021/HS-ST ngày 18/11/2021 của Toàn án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (10/6/2022).

Nơi nhận:
- TAND tối cao (Vụ Giám đốc kiểm tra I);
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa (11);
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV, Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Khánh Hòa (03);
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Trại tạm giam CA tỉnh Khánh Hòa (04);
- Bị cáo (TTG tống đạt cho bị cáo tạm giam);
- Người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã H Nội, huyện P, tỉnh Phú Yên (thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- UBND phường Cam Lộc; phường C; phường Cam Phước Đông; phường Cam Phước Nam; phường Cam Thuận; phường Ba Ngòi, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa (thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, lưu trữ.

TM. HỘI Đ XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường